

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60 /2020/HS-ST
Ngày 28-2-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 436/2019/HSST ngày 03/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2019/HSST- QĐ ngày 17/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/HSST- QĐ ngày 31/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/HSST- QĐ ngày 30/01/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn T xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960; bị cáo có 04 anh em bị cáo là thứ 4; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 09/3/2017, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản, theo bản án số 55. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam An Phước từ ngày 16/8/2016, bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

1. Võ Kiên Q, sinh năm 1954; thường trú: 238 /1A khu phố A, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Anh Đoàn Vũ Huỳnh A, sinh năm 1987; thường trú: 7A/97 phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1995; thường trú: Nhơn M huyện S, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1994; thường trú: Vân Đ Chí H, Hưng H, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Hữu Y, sinh năm 1995; thường trú: Xóm 5, xã T huyện T tỉnh Nghệ An, vắng mặt.

- *Người làm chứng :*

1. Anh Nguyễn Hữu N, vắng mặt.

2. Anh Trịnh Trọng H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2014, bị cáo Nguyễn Văn T thuê ki ốt tại địa chỉ 238/1A khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở tiệm photocopy chụp hình thẻ “Nhu Quỳnh”. Từ tháng 8/2015, T nhận làm bộ hồ sơ xin việc cho khách hàng, hồ sơ gồm phiếu khám sức khỏe, sơ yếu lý lịch, đơn xin việc, đơn xin xác nhận hạnh kiểm, số tiền mỗi bộ hồ sơ xin việc T lấy từ 60.000 đồng đến 150.000 đồng.

T làm bộ hồ sơ xin việc với cách thức sau: Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin cá nhân gồm giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản phô tô hoặc bản chính), T sử dụng phần mềm photoshop trên máy tính hiệu Star View chỉnh sửa thông tin, con dấu có trong máy vi tính cho phù hợp với thông tin, địa chỉ khách hàng yêu cầu sau đó sử dụng máy in màu nhãn hiệu Epson in ra và ký giả chữ ký của người có thẩm quyền lên tài liệu trên. Khoảng 12 giờ ngày 26/8/2015, Công an phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính tiệm photocopy “Nhu Quỳnh”, lúc này T leo tường rào phía sau ki ốt tẩu thoát.

Vật chứng thu giữ trong quá trình khám xét gồm bộ hồ sơ xin việc và máy móc:

- Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 1994; thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình, bộ hồ sơ gồm có giấy tờ: Giấy khám sức khỏe có mộc dấu của Sở y tế tỉnh Bình Dương; giấy chứng nhận hạnh kiểm có mộc dấu tròn của Công an xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Sơ yếu lý lịch có mộc dấu tròn của UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; đơn xin việc có mộc dấu tròn của UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; sổ hộ khẩu phô tô công chứng có mộc dấu tròn của UBND xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Đoàn Vũ Huỳnh A, sinh năm 1997; thường trú: 7A/97 phường T phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh bộ hồ sơ gồm giấy tờ: Giấy chứng nhận hạnh kiểm có mộc dấu tròn của Công an phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; Sơ yếu lý lịch có mộc dấu tròn của UBND phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; sổ hộ khẩu phô tô công chứng có mộc dấu tròn của UBND phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Thành Đ2, sinh năm 1995; thường trú: Kế Sách, Sóc Trăng bộ hồ sơ gồm có: Giấy chứng nhận hạnh kiểm có mộc dấu tròn của Công an xã M, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Sơ yếu lý lịch có mộc dấu tròn của UBND xã M, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; sổ hộ khẩu phô tô công chứng có mộc dấu tròn của UBND xã M, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Nguyễn Hữu Y: Bộ hồ sơ có dán ảnh của Y nhưng chưa có thông tin cá nhân, hồ sơ gồm: Giấy chứng nhận hạnh kiểm có mộc dấu tròn của Công an xã T huyện T, tỉnh Nghệ An; Sơ yếu lý lịch có mộc dấu tròn của UBND xã T huyện T tỉnh nghệ An; đơn xin việc có mộc dấu tròn của UBND xã T huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Thạch L: Bộ hồ sơ có dán ảnh của L nhưng chưa có thông tin cá nhân, hồ sơ gồm : Giấy chứng nhận hạnh kiểm có mộc dấu tròn của Công an xã T, huyện T tỉnh Sóc Trăng; Sơ yếu lý lịch có mộc dấu tròn của UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; đơn xin việc có mộc dấu tròn của UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

+ 01 bộ máy tính hiệu StarView, 01 đầu CPU; 01 máy in màu hiệu EPSON EP 801A; 01 máy chụp hình hiệu N73; 01 máy photocopy hiệu OCE IM 2330; 01 máy chụp hình hiệu Canon màu xám; 01 máy in màu hiệu EPSON; 01 bộ máy tính để bàn gồm màn hình máy tính hiệu LCD hiệu IO DATA, 01 CPU màu đen, bàn phím, chuột.

Vật chứng đã xử lý: Trả lại cho bị cáo T 01 máy photocopy hiệu OCE IM 2330; 01 máy chụp hình hiệu Canon màu xám, 01 máy in màu hiệu EPSON , 01 bộ máy tính để bàn gồm màn hình máy tính hiệu LCD hiệu IO DATA, 01 CPU màu đen, bàn phím, chuột do không liên quan đến việc phạm tội.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận, toàn bộ hồ sơ trên T nhận làm vào ngày 20/5/2018 và hẹn trả ngày 26/8/2018, sau đó chưa kịp trả thì bị phát hiện, T đã thu 02 bộ hồ sơ giá 120.000 đồng.

Kết luận giám định số 1681/GĐ - PC 54 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương ngày 05/10/2015 kết luận: Hình dấu tròn trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1-A23) là giả được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Kết luận giám định số 461/GĐ - PC 09 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương ngày 01/11/2019 kết luận: Chữ ký mang tên “Phạm Thanh Hoàng” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A3) so với chữ ký đứng tên Phạm Thanh Hoàng trên 01 (một) “Biên bản thu mẫu chữ ký” đề ngày 25/10/2019 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cung cấp (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký ra.

Đối với Nguyễn Hải Đ1, Đoàn Vũ Huỳnh A, Nguyễn Thành Đ2, Nguyễn Hữu Y, Thạch L chưa sử dụng tài liệu bị cáo T làm giả. Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương không khởi tố xử lý.

Cáo trạng số 202/CT-VKS -DA ngày 30/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 267, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm

2009 xử phạt bị cáo T từ 7 đến 9 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Tổng hợp hình phạt 8 năm tù của bản án số 55/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 08 năm 7 tháng tù đến 8 năm 9 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 bộ máy tính hiệu StarView, 01 đầu CPU; 01 máy in màu hiệu EPSON EP 801A; 01 máy chụp hình hiệu N73.

Buộc bị cáo T nộp số tiền 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ xác định bị cáo T phạm tội: Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra thể hiện vào thời gian tháng 8/2015, bị cáo T làm giả 5 bộ hồ sơ xin việc cho Nguyễn Hải Đ1, Đoàn Vũ Huỳnh A, Nguyễn Hữu Y, Thạch L và Nguyễn Thành Đ2 để thu lợi mỗi bộ hồ sơ từ 60.000 đồng đến 150.000 đồng. Kết luận giám định con dấu, chữ ký trên 05 bộ hồ sơ bị cáo T làm thể hiện con dấu được làm giả bằng phương pháp in phun màu điện tử, chữ ký là giả. Như vậy, hành vi trên của bị cáo T là hành vi của tội Làm giả, con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản cáo trạng số 202/CT- VKS ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[2] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm bị cáo T thực hiện là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội do cố ý. Hành vi trên của bị cáo góp phần làm cho các tài liệu, giấy tờ, chữ ký của người có chức vụ quyền hạn bị sai lệch, không đúng với thực tế. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín. Do vậy, hành vi trên của bị cáo phải được xử lý nghiêm cần có mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt thể hiện việc trước khi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo nhất thời phạm tội.

[3] Đối với mức hình phạt 08 năm tù tại bản án số 55/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị cáo T đang chấp

hành. Xét, bị cáo T phạm tội trước khi có bản án này. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

[4] Trong vụ án có Nguyễn Hải Đ1, Đoàn Vũ Huỳnh A, Nguyễn Hữu Y, Thạch L và Nguyễn Thành Đ2 thuê T làm hồ sơ giả nhưng chưa sử dụng các tài liệu giả trên. Công an thị xã Dĩ An không khởi tố xử lý là phù hợp.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 bộ máy tính hiệu StarView, 01 đầu CPU; 01 máy in màu hiệu EPSON EP 801A; 01 máy chụp hình hiệu Nokia N73 do bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 120.000 đồng bị cáo T thu lợi trong quá trình làm hồ sơ giả. Do vậy, cần buộc T nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về thủ tục tố tụng hình sự:

[6.1] Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức vào tháng 8/2015 tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên đối chiếu Điều 341 về tội Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực ngày 01/01/2018 có khung hình phạt nặng hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy, Viện kiểm sát áp dụng điều luật quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để truy tố, xét xử đối với bị cáo T là phù hợp pháp luật.

[6.2] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14. Căn cứ vào khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Căn cứ Điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tổng hợp hình phạt 08 năm tù tại bản án số 55/2017/HSST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2016.

2. Các biện pháp tư pháp.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 bộ máy tính hiệu StarView, 01 đầu CPU; 01 máy in màu hiệu EPSON EP 801A; 01 máy chụp hình hiệu Nokia N73. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 120.000 (một trăm hai mươi nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh